

Số: 3159 /TTr-UBND

Bình Dương, ngày 01 tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc phê chuẩn Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019.

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 2008.....
	Ngày: 07/2019
Chuyên:	Căn cứ
Lưu hồ sơ số:	Căn cứ

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Xét Tờ trình số 48/TTr-SKHĐT ngày 27/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khóa IX,

UBND tỉnh báo cáo và kiến nghị HĐND tỉnh xem xét phê chuẩn Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019 như sau:

I. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch:

1. Đảm bảo các nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm theo quy định tại điều 54 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

2. Bổ sung, cập nhật các nguồn vốn theo kế hoạch Trung ương giao hàng năm và khả năng huy động thực tế của địa phương vào kế hoạch đầu tư công năm 2019.

3. Điều chỉnh giảm vốn đã bố trí của một số dự án có tiến độ triển khai chậm hoặc sau khi rà soát xác định dư vốn (do tiết giảm vốn đối ứng qua đấu thầu, ngưng chuẩn bị đầu tư, giảm trừ thanh quyết toán...). Đồng thời điều chỉnh tăng vốn cho các dự án có tiến độ nhanh và nhu cầu tăng vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 2019. Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, các dự án đền bù giải phóng mặt bằng và các công trình có khả năng hoàn thành trong năm.

4. Bổ sung một số danh mục để chuẩn bị đầu tư, một số dự án quan trọng, cấp bách phát sinh trong quá trình điều hành phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đã có chủ trương thống nhất của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; bố trí vốn thực hiện dự án từ các nguồn vốn kết dư, dự phòng, bổ sung theo Nghị định 120/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ.

5. Hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện bố trí cho các dự án đã đảm bảo thủ tục đầu tư và có khả năng giải ngân để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.



II. Nội dung điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019:

1. Về nguồn vốn điều chỉnh:

Qua rà soát khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương, dự kiến tổng nguồn vốn KH điều chỉnh đầu tư công năm 2019 là **12.139 tỷ 462** triệu đồng, tăng 4.318 tỷ 149 triệu đồng so với đầu năm. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh năm 2019	Tăng/giảm
	TỔNG SỐ	7.821.313	12.139.462	4.318.149
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	321.313	321.313	0
1	Vốn nước ngoài	286.423	286.423	0
2	Vốn trong nước	34.890	34.890	0
	<i>Vốn đầu tư các chương trình mục tiêu</i>	<i>34.890</i>	<i>34.890</i>	<i>0</i>
II	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.500.000	11.818.149	4.318.149
1	Vốn đầu tư theo tiêu chí định mức	4.713.912	4.713.912	0
2	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	1.381.088	1.381.088	0
3	Vốn xỏ số kiến thiết	1.405.000	1.405.000	0
4	Vốn kết dư đầu tư công năm 2017-2018	0	1.047.252	1.047.252
5	Vốn cải cách tiền lương kết dư năm 2018	0	487.500	487.500
6	Bội chi ngân sách địa phương	0	1.193.200	1.193.200
7	Nguồn vốn khác	0	1.590.197	1.590.197

Nguồn vốn tăng thêm so với kế hoạch đầu kỳ được cân đối từ các nguồn bổ sung sau:

- Vốn kết dư đầu tư công năm 2017 và năm 2018: 1.047 tỷ 252 triệu đồng.
- Vốn cải cách tiền lương kết dư năm 2018 : 487 tỷ 500 triệu đồng.
- Vốn bội chi ngân sách địa phương : 1.193 tỷ 200 triệu đồng.
- Nguồn vốn khác : 1.590 tỷ 197 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019:

- Bố trí tăng vốn cho 144 dự án với tổng vốn tăng: 4.135 tỷ 332 triệu đồng.
- Bố trí giảm vốn cho 59 dự án với tổng vốn giảm: 354 tỷ 032 triệu đồng.
- Bổ sung danh mục 46 dự án với tổng vốn: 567 tỷ 434 triệu đồng.
- Ngưng bố trí 21 dự án với tổng vốn ngưng bố trí: 30 tỷ 585 triệu đồng.

3. Dự kiến phân bổ vốn theo ngành, lĩnh vực:

3.1. Vốn ngân sách địa phương.

a) Vốn ngân sách cấp tỉnh: 8.882 tỷ 449 triệu đồng, phân bổ cho 329 dự án (tăng 04 dự án so với đầu kỳ).

- Vốn tỉnh tập trung:

+ Hạ tầng kinh tế: 4.699 tỷ 582 triệu đồng (tăng 1.893 tỷ 082 triệu đồng), phân bổ 84 cho dự án (tăng 05 dự án).

+ Hạ tầng văn hóa – xã hội: 1.386 tỷ 755 triệu đồng (tăng 390 tỷ 275 triệu đồng), phân bổ cho 51 dự án (tăng 03 dự án).

+ Quản lý nhà nước – Quốc phòng – An ninh: 443 tỷ 574 triệu đồng (tăng 38 tỷ 574 triệu đồng), phân bổ cho 39 dự án (giảm 02 dự án).

- **Vốn xổ số kiến thiết:** 1.619 tỷ 518 triệu đồng, phân bổ cho 98 dự án (tăng 03 dự án so với đầu kỳ).

- **Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện:** 733 tỷ đồng (tăng 176 tỷ đồng), phân bổ cho 57 dự án (giảm 05 dự án).

b) **Vốn ngân sách cấp huyện:** 1.742 tỷ 500 triệu đồng, bao gồm vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện là 412 tỷ 500 triệu đồng và vốn phân bổ theo tiêu chí là 1.330 tỷ đồng.

3.2. Vốn ngân sách Trung ương: Thực hiện theo danh mục và kế hoạch vốn cụ thể của Trung ương giao.

- **Vốn nước ngoài (ODA):** phân bổ cho 02 dự án với tổng số vốn bố trí là 286 tỷ 423 triệu đồng.

- **Vốn trong nước đầu tư theo các chương trình mục tiêu:** phân bổ cho 01 dự án thuộc lĩnh vực giao thông với tổng số vốn phân bổ là 34 tỷ 890 triệu đồng (theo danh mục dự án Trung ương giao).

4. Kiến nghị HĐND tỉnh:

- Chấp thuận bổ sung và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 với tổng vốn 12.139 tỷ 462 triệu đồng, tăng 4.318 tỷ 149 triệu đồng so với đầu năm; phân bổ vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo các dự án, công trình và các huyện, thị xã, thành phố (*Phụ lục kèm theo*)

- Giao UBND tỉnh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công hàng năm nếu có những danh mục dự án thay đổi, bổ sung so với kế hoạch đầu tư công trung hạn mà vẫn đảm bảo nguồn vốn cân đối thì chấp thuận cho điều chỉnh và giải ngân các danh mục đó và tổng hợp chung vào kỳ điều chỉnh trung hạn tổng thể tiếp theo để đảm bảo tính linh hoạt và chủ động trong điều hành kế hoạch đầu tư công hàng năm.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT và các PCT;
- Sở KHĐT, Sở TC;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐVP, Thg, CV, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 3159 /TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)



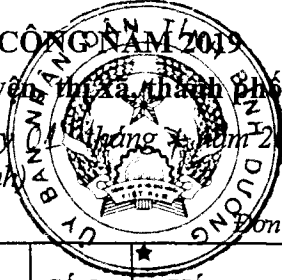
Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án điều chỉnh 2019	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG CỘNG (A+B)	346	7.821.313	12.139.462
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3	321.313	321.313
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	286.423	286.423
II	VỐN TRONG NƯỚC	1	34.890	34.890
	<i>Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu</i>	<i>1</i>	<i>34.890</i>	<i>34.890</i>
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	343	7.500.000	11.818.149
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	329	6.170.000	8.882.449
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	174	4.208.000	6.529.931
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	68	68.315	454.427
a	Hạ tầng kinh tế	34	50.015	431.465
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	13	5.300	9.962
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	21	13.000	13.000
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	106	4.139.685	6.075.504
a	Hạ tầng kinh tế	50	2.756.485	4.268.117
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	38	991.200	1.376.813
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	18	392.000	430.574
2	Vốn xổ số kiến thiết (a+b)	98	1.405.000	1.619.518
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	5	433.310	505.912
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	93	971.690	1.113.606
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	57	557.000	733.000
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	14	1.330.000	1.742.500
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	0	1.330.000	1.330.000
2	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	14		412.500
III	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			1.193.200

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Phân theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện Thủ Đức, thành phố

(Kèm theo Tờ trình số 3459 /TTr-UBND ngày 01 tháng 1 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	164	2.858.690	3.589.106
	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.330.000	1.330.000
	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	57	557.000	733.000
	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	93	971.690	1.113.606
	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	14	0	412.500
1	Thành phố Thủ Đức	30	496.704	526.704
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		220.704	220.704
1.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	15	180.000	180.000
1.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	13	96.000	96.000
1.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2		30.000
2	Thị xã Thuận An	19	502.223	629.010
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		264.823	264.823
2.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	6	64.200	83.487
2.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	173.200	213.200
2.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	3		67.500
3	Thị xã Dĩ An	15	441.858	566.949
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		256.208	256.208
3.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	2	50.000	51.291
3.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	12	135.650	194.450
3.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1		65.000
4	Thị xã Tân Uyên	26	349.488	422.488
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		101.688	101.688
4.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	9	55.000	55.000
4.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	15	192.800	192.800
4.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2		73.000
5	Huyện Bắc Tân Uyên	14	228.402	241.902
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		88.402	88.402
5.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	3	55.000	55.000
5.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	85.000	85.000
5.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1		13.500
6	Thị xã Bến Cát	16	220.296	316.301
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		108.606	108.606
6.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	5	45.000	45.000
6.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	66.690	97.695

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019
6.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1		65.000
7	Huyện Bàu Bàng	17	222.387	215.744
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		82.887	82.887
7.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	9	42.200	35.557
7.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	8	97.300	97.300
8	Huyện Phú Giáo	13	208.504	372.778
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		98.454	98.454
8.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	4	40.000	194.663
8.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	7	70.050	49.161
8.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2		30.500
9	Huyện Dầu Tiếng	14	188.828	297.230
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		108.228	108.228
9.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	4	25.600	33.002
9.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	8	55.000	88.000
9.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2		68.000

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG - CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Tờ trình số 3159/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A+B+C)	68	68.315	454.427	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ	34	50.015	431.465	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	22	33.130	316.365	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn, thị xã Thuận An	1	500	500	
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	1	245	245	
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	1	1.070	1.070	
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	1	100	100	
5	Đầu tư xây dựng các tuyến đường nhánh và cơ sở hạ tầng phụ trợ trong Khu trung tâm hành chính và tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	1	1.500	101.500	
6	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	1	1.495	1.495	
7	Đường vành đai Đông Bắc 2 - Đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn	1	500	50.500	
8	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	1	1.155	1.155	
9	Xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa (Vị trí cù lao Rùa)	1	100	100	
10	Xây dựng Cầu Đò mới qua sông Thị Tính	1	500	500	
11	Cải tạo hạ tầng giao thông cộng cộng tại tỉnh Bình Dương	1	6.800	6.800	
12	Nâng cấp đường ĐT 746 đoạn từ cầu Gổ đến Lạc An	1	3.000	3.000	
13	Xây dựng đường từ Quốc Lộ 13 đến đường Mỹ Phước- Tân Vạn		920		
14	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741B	1	1.780	1.780	
15	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa	1	2.525	2.525	
16	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	1	1.395	84000	CCTL
17	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	1	3.000	4.500	
18	Xây dựng đường và cầu Vàm Tư	1	2.750	2.750	
19	Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	1	50	100	
20	Xây dựng đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (Đoạn qua huyện Bắc Tân Uyên)	1	1.100	1.100	
21	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	1	1.945	1.945	
22	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến rạch Bảy Tra)	1	500	50.500	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
23	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	1	200	200	
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	5	5.085	103.300	
24	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng		1.465		=>THD A
25	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng		620		=>THD A
26	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	1		300	
27	Dự án giải phóng mặt bằng trực thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	1	500	50.500	
28	Dự án giải phóng mặt bằng trực thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	1	500	50.500	
29	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	1	1.000	1.000	
30	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực phường Uyên Hưng và phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	1	1.000	1.000	
III	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH	2	550	550	0
31	Xây dựng khu tái định cư và lập phương án di dời các hộ dân đang sinh sống trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	1	500	500	
32	Xóa điện kế dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	1	50	50	
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC	3	8.000	8.000	
33	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bình Hòa	1	2.000	2.000	
34	Nạo vét, gia cố Suối Cái từ thượng nguồn (đầu tuyến) đến sau cầu Thọ Ứt 100m	1	3.000	3.000	
35	Nạo vét, gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại từ sau cầu Thọ Ứt 100m đến sông Đồng Nai	1	3.000	3.000	
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ NÔNG THÔN	1	1.500	1.500	
36	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật tỉnh Bình Dương	1	1.500	1.500	
VI	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - THỦY LỢI VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI	1	1.750	1.750	
37	Xây dựng công kiểm soát triều rạch Bình Nhâm	1	1.750	1.750	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	13	5.300	9.962	
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	2	1.200	950	
37	Cải tạo, sửa chữa khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh.	1	1.000	500	
38	Nâng cấp cơ sở vật chất Bệnh viện Phục hồi chức năng	1	200	450	
II	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	6	2.600	4.512	
39	Tôn tạo di tích lịch sử Khảo Cổ Dốc Chùa	1	1.000	1.000	
40	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 1: Xây dựng hạ tầng toàn khu)	1	500	974	
41	Trưng tu, tôn tạo di tích Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 3: Dự án bồi thường, giải tỏa)	1	100	100	
42	Xây dựng tượng đài trung tâm, nhà bia (nội dung văn bia), các hạng mục công trình phục chế, tranh tượng, phù điêu Khu Di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên (Tượng đài Trung tâm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên)	1	500	100	
43	Xây dựng hoàn chỉnh Khu vực văn hóa tưởng niệm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên	1	500	838	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
44	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	1		1.500	
III	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	1	0	1.000	
45	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương; CCTL: 1000trđ	1		1.000	
IV	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO	4	1.500	3.500	
46	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 2: Nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng)	1	500	500	
47	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 3: Khu dịch vụ)	1	500	500	
48	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 4: Nhà luyện tập các môn võ thuật, nhà luyện tập các môn khác)	1	500	500	
49	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, sân nền; Nhà thường trực (3 nhà)	1		2.000	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC QPAN	21	13.000	13.000	0
I	HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	7	1.500	3.873	
50	Khu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm hành chính tỉnh	1	500	1.573	
51	Nhà để xe tạm cho Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	1	0	500	
52	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	1		500	
53	Trung tâm hành chính huyện Bắc Tân Uyên	1		500	
54	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cầu Kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	1		200	
55	Xây dựng Kho lưu trữ Tỉnh ủy.	1	500	100	
56	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	1	500	500	
II	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)	6	3.500	5.510	
57	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương	1	500	500	
58	Dự án Thiết bị nội thất Nhà làm việc chính Công an tỉnh.	1	500	825	
59	Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một	1	500	1.665	
60	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	1	500	500	
61	Hệ thống kiểm soát an ninh các Cơ sở giam giữ	1	500	500	
62	Hệ thống ghi âm, ghi hình Nhà hồi cung các cơ sở giam giữ		500		
63	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện, thị xã, thành phố	1	500	1.520	
IV	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)	7	7.000	2.617	
64	Xây dựng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	1	500	200	
65	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp		500		
66	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập		500		
67	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành		500		
68	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	1	500	500	
69	Mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng cứu sự cố cháy nổ giai đoạn 2	1	500	500	
70	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp		500		
71	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập		500		

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
72	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho Đội Cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng Cảnh sát PC&CC số 1 (Phường Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một)	1	500	500	
73	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin vô tuyến bộ đàm kỹ thuật số UHF phục vụ công tác PCCC và CNCH tỉnh Bình Dương.	1	500	500	
74	Đầu tư xây dựng hệ thống Camera quan sát cháy trên địa bàn tỉnh Bình Dương	1	500	317	
75	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh Bình Dương		500		
76	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Phước Vĩnh		500		
77	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Thanh Phước	1	500	100	
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA, THĂM ĐÒ KHẢO SÁT, TƯ VẤN, QUY HOẠCH TRONG CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ, XÃ HỘI, NHÂN VĂN	1	1.000	1.000	
78	Kho lưu trữ Sở Tài nguyên và Môi trường	1	1.000	1.000	

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG - THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kèm theo Tờ trình số 3159 /TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A+B+C)	106	4.139.685	6.075.504	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)	50	2.756.485	4.268.117	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	35	1.409.830	2.758.427	
	Công trình Thiết kế BVTC-TDT	2	48.900	258.500	
1	Đường trục chính Đông Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	1	1.400	61.000	CBĐT=>
3	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	1	47.500	197.500	
	Công trình khởi công mới	1	123.340	123.340	
4	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GD 1)	1	123.340	123.340	CBĐT=>
	Công trình chuyển tiếp	9	618.100	1.504.930	
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường dài liệt sỹ Tân Phước Khánh	1	132.785	483.565	
6	Đường trục chính trung tâm hành chính và hạ tầng khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	1	50.000	150.000	
7	Xây dựng đường Bắc Nam 3	1	15.770	80.770	
8	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	1	82.165	102.165	
9	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	1	11.040	28.040	
10	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	1	70.000	86.235	
11	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cổng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	1	56.340	56.340	
12	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	1		15.510	
13	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	1	200.000	502.305	
	Công trình thanh toán khối lượng	12	616.090	860.107	
14	Hệ thống thoát nước trên đường ĐT 744 tại 03 vị trí cấp bách (Km23+733, Km25+399, Km31+508) huyện Dầu Tiếng	1	300	1.565	
15	Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng cây ăn quả có múi xã Hiếu Liêm	1	1.500	1.500	
16	Xây dựng cầu mới Bến Tăng	1	2.980	3.310	
17	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn I (Đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	1	1.320	15.655	
18	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	1	20.000	80.485	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
19	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	1	4.580	4.580	
20	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	1	785	46.000	
21	Đường ĐT744 đoạn từ cầu Ông Cộ đến Km 12+000	1	10.625	800	
22	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	1	40.000	40.000	
23	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	1	512.500	644.712	
24	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, Bình Dương	1	11.500	11.500	
25	Xây dựng đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	1	10.000	10.000	
	Công trình quyết toán	11	3.400	11.550	
26	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	1	200	200	
27	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sờ Sao	1	600	600	
28	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	1	800	4.000	
29	Xây dựng cầu Phú Long, hạng mục: Đường dẫn vào cầu	1	800	820	
30	Bổ sung, nâng cấp hạng mục chiếu sáng trên tuyến đường ĐT744 đoạn qua xã An Tây từ Km12+046 đến Km21+200	1	200	200	
31	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cồng Xanh	1		3.000	
32	Xây dựng cầu Bà Cỏ	1		300	
33	Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, Bình Dương	1		350	
34	Đường Nguyễn Chí Thanh	1		155	
35	Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tính	1		25	
36	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 1	1	800	1.900	
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN)	2	1.895	2.865	
	Công trình thanh toán khối lượng	2	1.895	2.070	
37	Hệ thống cấp nước tập trung xã Tam Lập.	1	760	760	
38	Đầu tư nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Lạc An	1	1.135	1.310	
	Công trình quyết toán			795	
39	Hệ thống cấp nước tập trung xã Hiếu Liêm.	1		795	
III	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	6	857.250	868.519	
	Khởi công mới		0	13.065	
40	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	1		9.135	=>CBĐT

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
41	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	1		3.930	=>CBĐT
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	6	857.250	855.454	
42	Đền bù mở rộng suối Lò Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	1	128.000	128.000	
43	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	1	565	58.565	
44	Xây dựng trạm thủy văn trên sông Sài Gòn (Trạm thủy văn cầu Vĩnh Bình - Sài Gòn)	1	2.170	2.170	
45	Mua sắm trang thiết bị tăng cường năng lực Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	1	900	900	
46	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	1	410.615	410.615	
47	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	1	315.000	255.204	
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC	7	487.510	638.306	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	2	263.965	413.965	
48	Hệ thống thoát nước bên ngoài các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	1	63.965	63.965	
49	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	1	200.000	350.000	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>	5	223.545	224.341	
50	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đồn	1	31.400	31.400	
51	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	1	2.795	3.579	
52	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	1	187.350	187.350	
53	Hệ thống thủy lợi An Sơn - Lái Thiêu	1		12	
54	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	1	2.000	2.000	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	38	991.200	1.376.813	
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	16	706.238	985.255	
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>	1	5.000	5.000	
55	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	1	5.000	5.000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	2	270.357	270.357	
56	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	1	234.150	234.150	
57	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	1	36.207	36.207	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	5	409.262	692.174	
58	Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	100	750	
59	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	1	97.000	97.000	
60	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	1	1.000	1.000	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
61	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	1	97.000	97.000	
62	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn NS tỉnh tập trung)	1	214.162	496.424	
	Công trình quyết toán	8	21.619	17.724	
63	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	1	324	460	
64	Trang thiết bị nhánh C - Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	61	61	
65	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	153	153	
66	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	1	110	110	
67	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn I)	1	820	746	
68	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	1	6.500	3.000	
69	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	12.657	12.200	
70	Cải tạo Khoa Dược và khối Hành chính Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Dương.	1	994	994	
II	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	1	0	76.000	
	Công trình lập TKBVTC-DT	0	0	74.000	
71	Trường trung học phổ thông Thái Hòa; CCTL: 74.000trđ			74.000	
	Công trình quyết toán	1	0	2.000	
72	Đầu tư trang thiết bị Trường cao đẳng Y tế	1		2.000	
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)	3	3.198	3.216	
	Công trình khởi công mới	1	3.000	3.000	
73	Ứng dụng CNTT tại bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn 2	1	3.000	3.000	
	Công trình quyết toán	2	198	216	
74	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Bệnh viện điều dưỡng và Phục hồi chức năng tỉnh	1	96	96	
75	Đầu tư cho Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển công nghệ thông tin và đảm nhiệm vai trò trung tâm dữ liệu dự phòng	1	102	120	
III	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH	4	54.682	103.532	
	Công trình chuyển tiếp	1	50.000	53.636	
76	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	1	50.000	53.636	
	Công trình lập TKBVTC-DT	2	4.450	46.116	
77	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	1	3.570	46.116	
78	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	1	880	0	
	Công trình quyết toán	1	232	3.780	
79	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	1	232	3.780	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
IV	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	1	1.850	150	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	1	1.850	150	
80	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1	1.850	150	
V	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	6	201.581	190.081	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	3	43.000	33.000	
81	Trung bày mỹ thuật khu Di tích lịch sử Rừng Kiến An	1	13.000	13.000	
82	Trung tâm Văn hóa công nhân lao động thị xã Bến Cát	1	10.000	10.000	
83	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm Chiến khu D	1	20.000	10.000	
	<i>Công trình Thiết kế BVTC-TDT</i>	0	1.500	0	
84	Nâng cấp cơ sở vật chất bảo tàng tỉnh Bình Dương		1.500		
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	2	157.000	157.000	
85	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	1	152.000	152.000	
86	Trùng tu tôn tạo di tích Nhà tù Phú Lợi	1	5.000	5.000	
	<i>Công trình quyết toán</i>	1	81	81	
87	Đầu tư trang thiết bị phục vụ Báo Bình Dương điện tử giai đoạn 3.	1	81	81	
VI	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO	0	2.000	0	
	<i>Công trình Thiết kế BVTC-TDT</i>	0	2.000	0	
88	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, sân nền; Nhà thường trực (3 nhà))		2.000		
VII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	0	5.000	0	
	<i>Công trình Thiết kế BVTC-TDT</i>	0	5.000	0	
89	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương		5.000		
VIII	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH	3	102	1.130	
	<i>Công trình quyết toán</i>	3	102	1.130	
90	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế-phường Định Hòa	1	102	700	
91	Khu tái định cư Phú Chánh	1		15	
92	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bình Dương (cơ sở 1)	1		415	
IX.1	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	4	16.549	17.449	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	2	16.000	16.900	
93	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2	1	14.600	14.600	
94	Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tỉnh Bình Dương	1	1.400	2.300	
	<i>Công trình quyết toán</i>	2	549	549	
95	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	1	500	500	
96	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin Tòa nhà trung tâm hành chính	1	49	49	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN	18	392.000	430.574	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	1	57.000	66.000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	1	57.000	66.000	
97	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	1	57.000	66.000	
II	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (QUỐC PHÒNG)	4	109.100	121.520	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	4	109.100	121.520	
98	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	1	65.000	93.000	
99	Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương	1	2.000	2.850	
100	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	1	10.200	10.720	
101	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	1	18.900	14.950	
102	Xây dựng cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình của căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật cơ bản khu vực phòng thủ		13.000	0	
III	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)	9	192.000	144.899	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	7	192.000	144.661	
103	Bờ kè chống sạt lở Trại tam giam và Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh Bình Dương	1	7.900	5.030	CBĐT=>
104	Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	1	80.000	90.104	
105	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Bến Cát	1	7.700	7.700	
106	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thành phố Thủ Dầu Một	1	14.900	11.100	
107	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Thuận An	1	21.300	15.790	
108	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an huyện Dầu Tiếng	1	10.200	7.270	
109	Nhà khách công vụ công an tỉnh Bình Dương	1	50.000	7.667	
	<i>Công trình quyết toán</i>	2	0	238	
110	Mua sắm thiết bị nghiệp vụ chuyên dùng công an tỉnh Bình Dương	1		147	
111	Trụ sở làm việc công an phường Hòa Lợi	1		91	
IV	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)	4	33.900	98.155	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	3	32.700	97.595	
112	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng cứu sự cố cháy nổ	1	31.700	88.840	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
113	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thắng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	1	1.000	6.448	
114	Trường bắn súng ngắn kết hợp Hội trường 500 chỗ	1		2.387	
	Công trình quyết toán	1	1.200	560	
115	Mua sắm thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho các đội cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khu vực	1	1.200	560	

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Tờ trình số 3159 /TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	TỔNG SỐ	98	1.405.000	1.619.518	
	Khối tỉnh	5	433.310	505.912	
	Khối huyện	93	971.690	1.113.606	
	Y tế	7	601.360	672.962	
	Giáo dục và đào tạo	91	803.640	946.556	
	Chuẩn bị đầu tư	34	13.850	15.465	
	Công trình lập TKBVTC-DT	5	5.250	40.320	
	Công trình khởi công mới	20	470.860	562.281	
	Công trình chuyển tiếp	22	884.012	964.491	
	Công trình thanh toán khối lượng	0	0	0	
	Công trình quyết toán	17	31.028	36.961	
A	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	7	601.360	672.962	
I	Khối tỉnh	4	431.310	498.912	
I.2	THỰC HIỆN DỰ ÁN	4	431.310	498.912	
	Công trình khởi công mới	1	48.000	40.700	
1	Đầu tư Thiết bị khoa sản 300 giường Bệnh viện Đa khoa tỉnh	1	48.000	40.700	
	Công trình chuyển tiếp	1	379.422	451.364	
2	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn XSKT)	1	379.422	451.364	
	Công trình quyết toán	2	3.888	6.848	
3	Bệnh viện chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	1	288	688	
4	Khu điều trị 300 giường (Khoa sản) thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	1	3.600	6.160	
II	Khối huyện thị	3	170.050	174.050	
	THỊ XÃ TÂN UYÊN	1	100.000	100.000	
	Công trình chuyển tiếp	1	100.000	100.000	
5	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	1	100.000	100.000	
	HUYỆN BÀU BÀNG	1	70.000	74.000	0
	Công trình chuyển tiếp	1	70.000	74.000	
6	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	1	70.000	74.000	
	HUYỆN PHÚ GIÁO	1	50	50	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	1	50	50	
7	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo (quy mô 120 giường bệnh)	1	50	50	
B	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	91	803.640	946.556	
I	Khối tỉnh	1	2.000	7.000	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	1	2.000	7.000	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	Công trình lập TKBVTC-DT	1	2.000	7.000	
8	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	1	2.000	7.000	
II.2	Khởi huyện thị	90	801.640	939.556	
	TP.THỦ DẦU MỘT	13	96.000	96.000	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	6	2.000	2.588	
9	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Bình Phú	1	500	500	
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông An Mỹ	1	500	500	
11	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Hòa Phú	1	500	500	
12	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	1	100	226	
13	Xây dựng mới bổ sung nhà đa năng Trường trung học cơ sở Chánh Nghĩa		100		
14	Xây dựng mới bổ sung hội trường và nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	1	100	100	
15	Trường tiểu học Định Hòa 2	1	200	762	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	7	94.000	93.412	
	Công trình khởi công mới	2	50.000	57.816	
16	Trường Tiểu học Phú Lợi 2	1	30.000	30.000	
17	Trường Trung học cơ sở Phú Hòa 2	1	20.000	27.816	
	Công trình chuyển tiếp	1	38.000	27.131	
18	Trường trung học cơ sở Trần Bình Trọng	1	38.000	27.131	
	Công trình quyết toán	4	6.000	8.465	
19	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Minh Khai	1	2.000	2.600	
20	Trường Tiểu học Chánh Nghĩa	1	2.000	3.453	
21	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	1	2.000	2.400	
22	Trường Mẫu giáo Sao Mai	1		12	
	TX. THUẬN AN	10	173.200	213.200	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	2	2.000	3.027	
23	Trường TH Bình Chuẩn 2	1	1.000	2.277	
24	Trường TH An Phú 3	1	1.000	750	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	8	171.200	210.173	
	Công trình khởi công mới	3	90.000	130.000	
25	Trường Trung học phổ thông Lý Thái Tổ	1	30.000	50.000	
26	Trường Tiểu học An Thạnh	1	30.000	40.000	
27	Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	1	30.000	40.000	
	Công trình chuyển tiếp	3	79.000	79.000	
28	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực	1	18.000	18.000	
28	Trường Tiểu học Tuy An	1	34.000	34.000	
29	Mở rộng trường Trung học cơ sở Nguyễn Thái Bình	1	27.000	27.000	
	Công trình thanh toán khối lượng				

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	Công trình quyết toán	2	2.200	1.173	
30	Mở rộng trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức	1	2.000	860	
31	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn 2	1	200	313	
	TX. DĨ AN	12	135.650	194.450	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	3	400	300	
32	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	1	100	100	
33	Trường MG Hoa Hồng 3		100		
34	Trường TH Tân Bình B	1	100	100	
35	Trường TH Châu Thới	1	100	100	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	9	135.250	194.150	
	Công trình khởi công mới	6	107.000	167.905	
36	Mở rộng trường Trung học cơ sở Đồng Hòa	1	13.000	18.000	
37	Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	1	29.000	50.000	
38	Trường Tiểu học Nhị Đồng 2	1	15.000	15.905	
39	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C	1	16.000	28.000	
40	Trường Tiểu học Đồng Hòa C	1	20.000	32.000	
41	Trường mầm non Đồng Hòa	1	14.000	24.000	
	Công trình chuyển tiếp	3	28.250	26.245	
42	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Dĩ An B	1	13.350	17.000	
43	Trường Trung học cơ sở Dĩ An - Giai đoạn 2	1	5.600	5.780	
44	Trường Trung học cơ sở Đồng Chiêu	1	9.300	3.465	
	TX. BẾN CÁT	10	66.690	97.695	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	3	600	1.000	
46	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát.	1	200	600	
47	Trường THCS Hòa Lợi.	1	200	200	
48	Trường THCS Mỹ Thạnh.	1	200	200	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	7	66.090	96.695	
	Công trình lập TKBVTC-TDT	2	500	2.000	
45	Trường Tiểu học Hòa Lợi	1	500	1.500	
46	Trường THCS An Điền (GD 2)	1		500	
	Công trình chuyển tiếp	4	65.590	93.590	
47	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	1	27.110	27.110	
48	Trường Trung học cơ sở An Điền (giai đoạn 1)	1	6.480	6.480	
49	Trường tiểu học Định Phước	1	18.000	38.000	
50	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 1)	1	14.000	22.000	
	Công trình quyết toán	1	0	1.105	
51	Trường mầm non Mỹ Phước	1		1.105	
	TX. TÂN UYÊN	14	92.800	92.800	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	5	900	900	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
52	Trường THCS Vĩnh Tân	1	200	200	
53	Trường mầm non Thạnh Phước	1	200	200	
54	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	1	100	100	
55	Trường TH Khánh Bình	1	200	200	
56	Trường TH Tân Phước Khánh B	1	200	200	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	9	91.900	91.900	
	Công trình lập TKBVTC-DT	1	1.250	2.250	
57	Trường trung học phổ thông Thái Hòa	1	1.250	2.250	
	Công trình khởi công mới	1	19.200	19.200	
58	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	1	19.200	19.200	
	Công trình chuyển tiếp	3	61.450	61.450	
59	Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp	1	22.000	22.000	
60	Trường Tiểu học Thái Hòa B	1	19.450	19.450	
61	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình	1	20.000	20.000	
	Công trình quyết toán	4	10.000	9.000	
62	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Quốc Phú	1	500	500	
63	Trường Tiểu học Hội Nghĩa	1	2.500	2.500	
64	Trường Trung học cơ sở Phú Chánh	1	2.000	2.000	
65	Trường Mầm non Thạnh Hội	1	5.000	4.000	
	HUYỆN DẦU TIẾNG	8	55.000	88.000	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	2	400	400	
66	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Hòa	1	200	200	
67	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	1	200	200	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	6	54.600	87.600	
	Công trình khởi công mới	4	47.160	80.160	
68	Trường Trung học cơ sở An Lập (giai đoạn 1)	1	31.900	31.900	
69	Trường trung học cơ sở Minh Tân (giai đoạn 2)	1	15.260	15.260	
70	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	1		23.000	
71	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	1		10.000	
	Công trình quyết toán	2	7.440	7.440	
72	Trường tiểu học An Lập (giai đoạn 1)	1	2.850	2.850	
73	Trường trung học cơ sở Minh Hòa	1	4.590	4.590	
	HUYỆN PHÚ GIÁO	6	70.000	49.111	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	2	700	400	
74	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung cấp kỹ thuật Phú Giáo thành Trường THCS Nguyễn Trãi		300	0	
75	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	1	200	200	
76	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	1	200	200	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	4	69.300	48.711	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	Công trình khởi công mới	1	35.500	21.500	
77	Trường tiểu học An Thái (giai đoạn 2)	1	35.500	21.500	
	Công trình chuyển tiếp	2	32.300	25.711	
78	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	1	12.000	12.000	
79	Trường tiểu học An Linh	1	20.300	13.711	
	Công trình quyết toán	1	1.500	1.500	
80	Trường tiểu học Phước Sang	1	1.500	1.500	
	HUYỆN BÀU BÀNG	7	27.300	23.800	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	5	4.300	4.300	
80	Trường mầm non Tân Hưng	1	100	100	
81	Trường mầm non Hưng Hòa	1	100	100	
82	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	1	100	100	
83	Trường tiểu học Trừ Văn Thố	1	2.000	2.000	
84	Trường trung học cơ sở Cây Trường	1	2.000	2.000	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	2	23.000	19.000	
	Công trình chuyển tiếp	2	23.000	19.000	
85	Trường Tiểu học Bầu Bàng	1	10.000	9.000	
86	Trường trung học cơ sở Trừ Văn Thố	1	13.000	10.000	
	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN	10	85.000	85.000	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	5	2.500	2.500	
87	Trường Mầm non Sơn Ca	1	500	500	
88	Trường THPT Tân Bình	1	500	500	
89	Trường mầm non Hoa Cúc (Xây dựng bổ sung 6 phòng học)	1	500	500	
90	Trường tiểu học Đất Cuốc (Xây dựng bổ sung 9 phòng học)	1	500	500	
91	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ giai đoạn 2	1	500	500	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	5	82.500	82.500	
	Công trình lập TKBVTC-DT	1	1.500	29.070	
92	Trường trung học phổ thông Lê Lợi	1	1.500	29.070	
	Công trình khởi công mới	2	74.000	45.000	
93	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	1	39.500	23.500	
94	Trường Mầm non Tân Mỹ	1	34.500	21.500	
	Công trình chuyển tiếp	1	7.000	7.000	
95	Trường Tiểu học Tân Thành	1	7.000	7.000	
	Công trình quyết toán	1	0	1.430	
96	Trường Tiểu học Tân Định	1		1.430	

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số 3159 /TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
(1)	(2)				(13)
	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN	57	557.000	733.000	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	17	10.620	13.094	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	5	87.700	198.163	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	23	423.252	403.838	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>	11	34.428	111.273	
	<i>Công trình quyết toán</i>	1	1.000	6.632	
I	Thành phố Thủ Dầu Một	15	180.000	180.000	
I.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	13	163.072	163.500	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	5	6.070	6.391	
1	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một	1	4.170	1.251	
2	Mở rộng đường đê bao rạch Bà Cô (theo quy hoạch phân khu là đường N8)	1	500	1.700	
3	Mở rộng đường tạo lực 6 nối dài (Đại lộ Bình Dương đến nút giao Phan Đăng Lưu và Huỳnh Thị Châu)	1	500	1.149	
4	Xây dựng đường N8-N10 (đầu tuyến giáp đường 30/4 cuối tuyến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai)		500		
5	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viêt (đường Liên ấp 1-5), phường Phú Mỹ	1	200	686	
6	Đường trục chính Đông Tây	1	200	1.605	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	3	144.502	65.836	
7	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	1	26.308	41.474	
8	Đường Trần Văn Ôn	1	80.000	20.162	
9	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lên (từ ĐLBĐ đến đường Huỳnh Văn Lũy)	1	38.194	4.200	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	5	12.500	91.273	
10	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	1	1.000	78.839	
11	Đường Hoàng Hoa Thám II	1	500	1.175	
12	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Định Bộ Lĩnh)	1	500	690	
13	Đường Hoàng Hoa Thám (ngã tư thành đội) đến Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi	1	500	569	
14	Đường Trần Ngọc Lên - ĐL Bình Dương - đường Bùi Ngọc Thu (Đường tổ 7 ấp 1, phường Định Hòa)	1	10.000	10.000	
I.2	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	1	1.928	1.500	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	1	1.928	1.500	
15	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	1	1.928	1.500	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
I.3	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	1	15.000	15.000	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	1	15.000	15.000	
16	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự Tp.TDM	1	15.000	15.000	
II	Thị xã Thuận An	6	64.200	83.487	
II.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	1	500	500	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	1	500	500	
17	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	1	500	500	
II.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	5	63.700	82.987	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	1	500	700	
18	Trường Tiểu học Vĩnh Phú	1	500	700	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	1	3.000	22.287	
19	Trường TH Lê Thị Trung	1	3.000	22.287	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	2	58.200	59.500	
20	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT tỉnh Bình Dương Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	1	32.000	32.000	
21	Trường mầm non Hoa Mai 3	1	26.200	27.500	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	1	2.000	500	
22	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	1	2.000	500	
III	Thị xã Dĩ An	2	50.000	51.291	
III.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	1	22.000	22.500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	1	22.000	22.500	
23	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	1	22.000	22.500	
III.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN	1	28.000	28.791	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	1	28.000	28.791	
24	Khu di tích Cách mạng & sinh thái Hồ lang - giai đoạn 1	1	28.000	28.791	
IV	Thị xã Tân Uyên	9	55.000	55.000	
IV.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	6	52.000	52.000	
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	3	1.200	1.200	
25	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 409 (đoạn từ ĐT747B đến cầu Vĩnh Lợi)	1	500	500	
26	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	1	500	500	
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH423 (đoạn từ ngã tư nhà thờ đến ngã tư đường ĐH409)	1	200	200	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	3	50.800	50.800	
28	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ cây xăng An Lộc đến ngã tư Xã Cũ), phường Khánh Bình	1	17.800	17.800	
29	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ ngã tư Xã Cũ đến cầu Khánh Vân), phường Khánh Bình	1	16.000	16.000	
30	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A)	1	17.000	17.000	
IV.2	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHIỆP)	3	3.000	3.000	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	Công trình thanh toán khối lượng	3	3.000	3.000	
31	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã – phường: Thạnh Hội, Bạch Đằng, Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp	1	1.500	1.400	
32	Khu di tích tường niệm truyền thống chiến khu Vĩnh Lợi	1		200	
33	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã – phường: Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa	1	1.500	1.400	
V	Huyện Bắc Tân Uyên	3	55.000	55.000	
V.1	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1	30.900	34.960	
	Công trình khởi công mới	1	30.900	34.960	
34	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên qui mô 100 giường bệnh - Giai đoạn I: 60 giường	1	30.900	34.960	
V.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	1	100	1.503	
	Chuẩn bị đầu tư	1	100	1.503	
35	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên	1	100	1.503	
V.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN	1	24.000	18.537	
	Công trình chuyển tiếp	1	24.000	18.537	
36	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Bắc Tân Uyên	1	24.000	18.537	
VI	Thị xã Bến Cát	5	45.000	45.000	
VI.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	2	29.600	29.600	
	Công trình chuyển tiếp	1	28.600	22.968	
37	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	1	28.600	22.968	
	Công trình quyết toán	1	1.000	6.632	
38	Đường gò Cào Cào	1	1.000	6.632	
VI.2	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP-PTNT)	1	300	600	
	Chuẩn bị đầu tư	1	300	600	
39	Khai thông uốn nắn dòng chảy đoạn hạ lưu rạch Cầu Quan đến sông Thị Tính	1	300	600	
VI.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN	2	15.100	14.800	
	Chuẩn bị đầu tư	1	500	300	
40	Xây dựng Công viên dọc sông Thị Tính (đoạn qua chợ Bến Cát)	1	300	300	
41	Xây dựng công viên Phú Thứ xã Phú An		200		
	Công trình chuyển tiếp	1	14.600	14.500	
42	Xây dựng tượng đài thị xã Bến Cát	1	14.600	14.500	
VII	Huyện Bàu Bàng	9	42.200	35.557	
VII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	8	17.200	15.882	
	Chuẩn bị đầu tư	2	1.000	1.000	
43	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 610 xã Long Nguyên	1	500	500	
44	Xây dựng mới đường ĐH 618	1	500	500	
	Công trình khởi công mới	1	10.000	10.000	
45	Bê tông nhựa đường từ nhà Ông Bảy Hộ đến nhà Bà Suối xã Lai Hưng	1	10.000	10.000	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Ghi chú
	Công trình chuyển tiếp	5	6.200	4.882	
46	Xây dựng mới Cầu Ông Chày xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	1	1.500	734	
47	Bê tông nhựa đường ấp Hổ Muôn xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	1	1.500	1.360	
48	Bê tông nhựa đường ấp Bà Phái xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	1	1.200	1.771	
49	Bê tông nhựa đường ấp Long Hưng xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	1	1.000	811	
50	Bê tông nhựa đường từ chợ Tuấn Tâm đi đường mòn Hồ Chí Minh, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	1	1.000	206	
VII.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN	1	25.000	19.675	
	Công trình chuyển tiếp	1	25.000	19.675	
51	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	1	25.000	19.675	
VIII	Huyện Phú Giáo	4	40.000	194.663	
VIII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	4	40.000	194.663	
	Chuẩn bị đầu tư	1	50	500	
53	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 507 (từ đường ĐT 741 đi trại giam An Phước)	1	50	500	
	Công trình khởi công mới		200	86.816	
54	Nâng cấp đường Cống Triết	1	50	18.566	
52	Nâng cấp Đường ĐH 515	1	50	9.000	
55	Đầu tư xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài	1	50	32.200	
56	Đầu tư xây dựng đường Trần Quang Diệu nối dài	1	50	27.050	
	Công trình chuyển tiếp	3	39.750	107.347	
57	Đường ĐH 512 (Đường Kiểm)	1	15.000	38.847	
58	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 519	1	14.750	52.700	
59	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	1	10.000	15.800	
IX	Huyện Dầu Tiếng	4	25.600	33.002	
IX.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	4	25.600	33.002	
	Chuẩn bị đầu tư	1	400	400	
60	Nâng cấp nhựa đường ĐH 721 (từ ĐT 749a đến ĐT 750)	1	400	400	
	Công trình khởi công mới	1	21.600	21.600	
61	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa giai đoạn 2 (đoạn qua xã Định An)	1	21.600	21.600	
	Công trình chuyển tiếp	2	3.600	11.002	
62	Mở rộng đường từ trước Huyện uỷ - UBND huyện đến đường Cách mạng tháng 8	1	1.000	9.380	
63	Nâng cấp nhựa đường ĐH 722 (từ ĐT 749b đến ngã ba Cắm Xe) huyện Dầu Tiếng	1	2.600	1.622	

Phụ lục VII

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
- NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)

(Kèm theo Tờ trình số 3159 /TTr-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2019			Kế hoạch điều chỉnh năm 2019		
		Tổng số các nguồn vốn	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số các nguồn vốn	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ	1.012.038	725.615	286.423	952.242	665.819	286.423
	Ngành Cấp thoát nước - Môi trường	1.012.038	725.615	286.423	952.242	665.819	286.423
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn II	660.615	410.615	250.000	660.615	410.615	250.000
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	351.423	315.000	36.423	291.627	255.204	36.423

Phụ lục VIII

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ

(Kèm theo Tờ trình số 3159 /TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch điều chỉnh 2019
	TỔNG SỐ	34.890	34.890
I	VỐN ĐẦU TƯ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	34.890	34.890
	Các hoạt động kinh tế (Giao thông)	34.890	34.890
1	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	34.890	34.890

Phụ lục IX

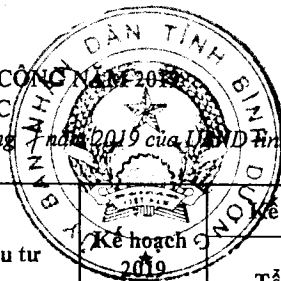
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN KẾT DƯ TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018
(Kèo theo Tờ trình số 3159/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh năm 2019	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch ĐTC trung hạn 2016-2020
	TỔNG SỐ (A+B)	19		487.500	1.500.000
A	Vốn tỉnh tập trung (I+II)	5		75.000	440.000
I	Hạ tầng Văn hóa - Xã hội	2		75.000	168.000
1	Mở rộng Trung tâm giáo dục lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	1	Sở Lao động - TB và Xã hội	1.000	94.000
2	Trường Trung học phổ thông Thái Hòa	1	UBND Tx Tân Uyên	74.000	74.000
II	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	3		0	272.000
3	Mở mới đường đê bao dọc rạch Bà Cô (theo quy hoạch phân khu là đường N8)	1	UBND Tp. Thủ Dầu Một		110.000
4	Đường Tạo lực 6 nối dài (Đại lộ Bình Dương đến nút giao Phan Đăng Lưu và đường Huỳnh Thị Châu)	1			100.000
5	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viêt (đường Liên ấp 1-5), phường Phú Mỹ	1			62.000
B	Vốn ngân sách cấp huyện (I+II+...+VIII)	14		412.500	1.060.000
I	THỦ DẦU MỘT	2		30.000	120.000
6	Xây dựng THCS Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - tiểu học Kim Đồng, phường Hiệp An	1	UBND Tp. Thủ Dầu Một	15.000	60.000
7	Xây dựng TH Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - mầm non Hoa Sen, phường Tương Bình Hiệp	1		15.000	60.000
II	THUẬN AN	3		67.500	333.000
8	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã Thuận An	1	UBND Tx. Thuận An	500	60.000
9	Xây dựng mới đường Hưng Định 15, phường Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	1	UBND Tx. Thuận An	50.000	220.000
10	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	1		17.000	53.000
III	DĨ AN	1		65.000	150.000
11	Xây dựng đường từ đường Trần Hưng Đạo đi đường Võ Thị Sáu	1	UBND Tx Dĩ An	65.000	150.000
IV	TÂN UYÊN	2		73.000	190.000
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 425	1	UBND Tx Tân Uyên	58.000	158.000
13	Xây dựng Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Tân Uyên	1		15.000	32.000
V	BẮC TÂN UYÊN	1		13.500	27.000
14	Xây dựng Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	1	UBND huyện Bắc Tân Uyên	13.500	27.000
VI	BẾN CÁT	1		65.000	65.000
15	Trường Tiểu học Mỹ Phước II	1	UBND Tx Bến Cát	65.000	65.000
VII	PHÚ GIÁO	2		30.500	95.000
16	Nâng cấp đường ĐH 516 (đường Tân Long - An Long)	1	UBND huyện	17.500	50.000

STT	Danh mục	Số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh năm 2019	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch ĐTC trung hạn 2016-2020
17	Nâng cấp đường ĐH 502 (từ ngã 3 cây khô đến cầu Vàm Vá 2)	1	Phú Giáo	13.000	45.000
VIII	DẦU TIẾNG	2		68.000	80.000
18	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	1	UBND huyện Dầu Tiếng	38.000	50.000
19	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Bến Súc (Tuyến đường N1, N2, N3, N4)	1		30.000	30000

Phụ lục X
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN VỐN KHÁC
 (Kèm theo Tờ trình số 3159/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh 2019		
				Tổng số	Nguồn vốn khác
	TỔNG SỐ		1.107.592	1.592.502	1.590.197
	HẠ TẦNG KINH TẾ		837.235	1.322.145	1.319.840
1	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GD 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	123.340	123.340	123.340
3	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên		512.500	612.500	612.500
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)		200.000	502.305	500.000
5	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương		1.395	84.000	84.000
II	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		270.357	270.357	270.357
6	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước		36.207	36.207	36.207
7	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)		234.150	234.150	234.150

PHỤ LỤC XI
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH 2019



ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Tổng vốn bổ sung
	TỔNG SỐ		567.434
1	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	500
2	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	UBND thị xã Bến Cát	15.510
3	Trường THCS An Điền (GD 2)	UBND Tx. Bến Cát	500
4	Trường mầm non Mỹ Phước	UBND Tx. Bến Cát	1.105
5	Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	350
6	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	155
7	Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tinh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	25
8	Khu tái định cư Phú Chánh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	15
9	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bình Dương (cơ sở 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	415
10	Nhà để xe tạm cho Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	500
11	Trường Tiểu học Tân Định	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1.430
12	Trung tâm hành chính huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	500
13	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cầu Kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	200
14	Mua sắm thiết bị nghiệp vụ chuyên dùng công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	147
15	Trụ sở làm việc công an phường Hòa Lợi	Công an tỉnh	91
16	Trường bắn súng ngắn kết hợp Hội trường 500 chỗ	Công an tỉnh	2.307
17	Đầu tư trang thiết bị Trường cao đẳng Y tế	Trường Cao đẳng y tế	2.000
18	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	23.000
19	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	10.000
20	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương; CCTL: 1000trđ	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1.000
21	Hệ thống thủy lợi An Sơn - Lái Thiêu	Sở Nông nghiệp và PTNT	12
22	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1.500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Tổng vốn bổ sung
23	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, san nền; Nhà thường trực (3 nhà)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2.000
24	Xây dựng cầu Bà Cồ	UBND thành phố Thủ Dầu Một	300
25	Trường Mẫu giáo Sao Mai	UBND Tp. Thủ Dầu Một	12
26	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	300
27	Hệ thống cấp nước tập trung xã Hiếu Liêm.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	795
28	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	3.930
29	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	9.135
30	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	UBND thị xã Tân Uyên	3.000
31	Trường trung học phổ thông Thái Hòa; CCTL: 74.000trđ	UBND Tx. Tân Uyên	74.000
32	Khu di tích tường niệm truyền thống chiến khu Vĩnh Lợi	UBND Tx. Tân Uyên	200
33	Xây dựng THCS Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - tiểu học Kim Đồng, phường Hiệp An	UBND tp Thủ Dầu Một	15.000
34	Xây dựng TH Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - mầm non Hoa Sen, phường Tương Bình Hiệp	UBND tp Thủ Dầu Một	15.000
35	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã	UBND Tx. Thuận An	500
36	Xây dựng mới đường Hưng Định 15, phường Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	UBND Tx. Thuận An	50.000
37	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	UBND Tx. Thuận An	17.000
38	Xây dựng đường từ đường Trần Hưng Đạo đi đường Võ Thị Sáu	UBND Tx	65.000
39	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 425	UBND Tx Tân Uyên	58.000
40	Xây dựng Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	15.000
41	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân	13.500
42	Trường Tiểu học Mỹ Phước II	UBND Tx Bến Cát	65.000
43	Nâng cấp đường ĐH 516 (đường Tân Long - An Long)	UBND huyện Phú Giáo	17.500
44	Nâng cấp đường ĐH 502 (từ ngã 3 cây khô đến cầu Vàm Vá 2)	UBND huyện Phú Giáo	13.000
45	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	38.000
46	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Bến Súc (Tuyến đường N1, N2, N3, N4)	UBND huyện Dầu Tiếng	30.000

PHỤ LỤC XII
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGỪNG BỐ TRÍ VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH 2019



ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Tổng vốn ngừng bố trí
	TỔNG SỐ		30.585
1	Xây dựng công viên Phú Thứ xã Phú An	UBND Tx. Bến Cát	200
2	Xây dựng cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình của căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật cơ bản khu vực phòng thủ	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	13.000
3	Xây dựng đường từ Quốc Lộ 13 đến đường Mỹ Phước- Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	920
4	Hệ thống ghi âm, ghi hình Nhà hời cung các cơ sở giam giữ	Công an tỉnh	500
5	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	500
6	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	500
7	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành	Công an tỉnh	500
8	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	500
9	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	500
10	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	500
11	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Phước Vĩnh	Công an tỉnh	500
12	Trường MG Hoa Hồng 3	UBND Tx. Dĩ An	100
13	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung cấp kỹ thuật Phú Giáo thành Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND huyện Phú Giáo	300
14	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	Đài Phát thanh truyền hình	880
15	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	5.000
16	Nâng cấp cơ sở vật chất bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1.500
17	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, sân nền; Nhà thi đấu trực (3 nhà))	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2.000
18	Xây dựng mới bổ sung nhà đa năng Trường trung học sơ cơ Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	100
19	Xây dựng đường N8-N10 (đầu tuyến giáp đường 30/4 cuối tuyến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	500
20	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	620
21	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1.465